

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2022
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Chánh.

2. Bà Mai Thị Nhắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Ấp AT, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Thạch Ngọc L, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Ấp AT, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Thạch Ngọc L quen biết, qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/6/2002. Sau khi thành hôn, chị và anh L sinh cùng với gia đình anh L tại địa chỉ ấp AT, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Đến năm 1999, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống và kinh tế gia đình, anh L thường xuyên uống rượu nên anh chị hay cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị có gặp gỡ nhưng không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có hai con chung tên Thạch Ngọc D, sinh ngày: 28/6/1995 và Thạch Ngọc T, sinh ngày: 17/6/1999, hiện các con đã thành niên, có khả năng tự lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Thạch Ngọc L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh L cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn giữa chị với anh Thạch Ngọc L có nơi cư trú tại ấp AT, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Thạch Ngọc L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh Thạch Ngọc L theo quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Thạch Ngọc L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/6/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L được xem là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh L không hạnh phúc do anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, anh L thường xuyên uống rượu dẫn đến việc cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị đã tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Từ năm 2015 đến nay, chị T và anh L ly thân, không ai quan tâm gì đến ai, anh chị không thể hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết, anh L không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa anh và chị T, cũng như anh L không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh L có hai con chung tên Thạch Ngọc D, sinh ngày: 28/6/1995 và Thạch Ngọc T, sinh ngày: 17/6/1999, hiện các con đã thành niên và có khả năng tự lao động. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Anh L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh L về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh L về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Thạch Ngọc L.
2. Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Thạch Ngọc L có hai con chung tên Thạch Ngọc D, sinh ngày: 28/6/1995 và Thạch Ngọc T, sinh ngày: 17/6/1999. Hiện các con đã thành niên, chị Lê Thị T và anh Thạch Ngọc L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Thạch Ngọc L không tranh chấp tài sản chung nên không xem xét.
4. Về nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Thạch Ngọc L không có nợ chung nên không xem xét.
5. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001609 ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã AT;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Dân